ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1420 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Tuy Dương, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Tuy Dương, xã An Hiệp, huyện Tuy

An, tỉnh Phú Yên (nay là xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk) của Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định họp ngày 28/01/2026 (kèm theo Công văn số 02/TT-HD ngày 25/3/2026 của Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Dương);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 330/TTr-SNNMT ngày 14/4/2026 và Văn bản số 4181/SNNMT-BVMT ngày 07/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Tuy Dương, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk)" (sau đây gọi là Dự án) của Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Dương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Tuy Dương, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và tại Điều 8 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CN và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và môi trường tỉnh;
- UBND xã Ô Loan;
- DNTN Hoàng Dương;
  (Đ/c: 38 Võ Trứ, xã Tuy An Bắc)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI THÔN TUY DƯƠNG, XÃ AN HIỆP, HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN (NAY LÀ XÃ Ô LOAN, TỈNH ĐẮK LẮK)

(*Kèm theo Quyết định số* 1420 */QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk*)

1. **Thông tin về Dự án**

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Tuy Dương, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk).

- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Tuy Dương, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Dương.

- Dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Tuy Dương, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay là xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk) được UBND tỉnh Phú Yên chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 10/6/2025.

1.2. Quy mô, công suất

- Dự án thực hiện trên diện tích 4,03ha tại thôn Tuy Dương, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk. Ranh giới khu vực khai thác được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

TT	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1.464.437	579.219
2	1.464.437	579.063
3	1.464.591	578.929
4	1.464.369	578.875
5	1.464.334	579.168

- Quy mô đầu tư: Khối lượng khai thác khoảng 291.209m^3 nguyên khai, công suất khai thác là 100.000m^3 nguyên khai/năm.

- Loại hình dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ cho các công trình xây dựng.

- Thời gian khai thác: 03 năm 05 tháng

***1.3. Quy trình công nghệ khai thác*:**

Công nghệ khai thác mỏ lộ thiên (không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp), cụ thể như sau: Hệ thống khai thác theo lớp bằng; Sử dụng xe đào, xúc đổ lên xe ô tô vận chuyển trực tiếp đến công trình xây dựng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

a) Hạng mục công trình: Thực hiện các hạng mục trong diện tích khai thác 4,03 ha gồm: thi công mặt bằng khai thác; tạo moong khai thác; thi công đường nội bộ và ngoại mỏ; lắp đặt nhà bảo vệ, nhà nghỉ, hệ thống giám sát; thi công tạo rãnh thoát nước mưa,…

b) Hoạt động của Dự án:

- Tập kết công nhân, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công;

- Phát dọn thực bì; dọn dẹp tạo mặt bằng;

- Thi công các hạng mục công trình: Lắp đặt nhà bảo vệ, nhà nghỉ, hệ thống giám sát; xây dựng tuyến đường nội mỏ và đường vận chuyển ngoài mỏ; lắp đặt biển báo giao thông…;

- Khai thác và vận chuyển đất san lấp;

- Cải tạo phục hồi môi trường: Trồng cây xanh, tháo dỡ các hạng mục công trình tạm, trả lại mặt bằng....

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khu vực dự án không có khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực ngập nước theo quy định của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đất ngập nước, bảo vệ các loài có trong sách đỏ đang sinh sống và di trú theo mùa. Không có các loại rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp phải bảo vệ,... Vì vậy, Dự án không có các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025.

2. Các hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường: Tiến hành mở vỉa tạo mặt bằng khai thác, san gạt mặt bằng; Lắp đặt nhà bảo vệ, nhà nghỉ, hệ thống giám sát; xây dựng tuyến đường nội mỏ và đường vận chuyển ngoài mỏ; thi công tạo rãnh thoát nước mưa; hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

- Giai đoạn hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

+ Hoạt động khai thác: Hoạt động khai thác, san gạt, đào và bốc xúc đất; hoạt động từ phương tiện thi công, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân tại mỏ sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

+ Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường: Tháo dỡ nhà bảo vệ, nhà nghỉ, hệ thống giám sát; san gạt trả lại mặt bằng; hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân, phát sinh với lưu lượng khoảng 0,25 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là: BOD_5, COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform….

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng phát sinh khoảng 0,5 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn thi công xây dựng với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, lá cây….

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên giai đoạn vận hành phát sinh với lưu lượng khoảng 0,55 m^3/ngày, giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường phát sinh với lưu lượng 0,2 m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD_5, COD, tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform…

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án trong giai đoạn vận hành và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), đất, lá cây….

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ các hoạt động như thi công tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ, san gạt thảm thực bì, tạo mặt bằng khai thác; lắp đặt nhà tạm, bảo vệ, rãnh thoát nước mưa và hố lắng tạm,… Thành phần chủ yếu bụi tổng, CO, NO_x, SO_2. Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến người dân xung quanh dọc tuyến đường, khu vực dự án.

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động đào bốc xúc đất, vận chuyển đất; hoạt động cải tạo sườn tầng, gia cố bờ moong khai thác, san ủi đất tầng phủ moong khai thác, tháo dỡ và di dời các hạng mục công trình…Thành phần chủ yếu: Bụi tổng, CO, NOx, SO2, … Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, bụi hạt lớn sẽ lắng đọng, phát tán trong phạm vi khai thác, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án và dọc tuyến đường vận chuyển,…

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ, ...

- *Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:* Hoạt động sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn vận hành phát sinh khoảng 5,5 kg/ngày; giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường phát sinh khoảng 02 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ, ...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Chất thải rắn xây dựng chủ yếu các loại bao bì vật liệu xây dựng, vật liệu xây dựng dư thừa, đá vụn, sắt thép vụn, vữa thừa, phát sinh khoảng 20 kg/toàn đợt; Chất thải thực bì từ hoạt động phát dọn mặt bằng, với lượng phát sinh khoảng 40,3 tấn/toàn đợt.

- *Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:* Trong giai đoạn khai thác tiếp tục phát dọn cây bụi là chủ yếu, chất thải thực bì phát sinh khoảng 360 tấn/toàn bộ dự án. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường có phát sinh chất thải trong quá trình tháo dỡ các công trình tạm với khối lượng khoảng 180 tấn/toàn đợt.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị xây dựng phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng rất ít khoảng 02kg/toàn đợt. Thành phần chủ yếu là cặn dầu nhớt, giẻ lau dính dầu …

- *Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:* Phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận hành dự án với tổng khối lượng khoảng 02 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: cặn dầu nhớt, giẻ lau dính dầu …

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành và cải tạo phục hồi môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Dự án làm gia tăng mật độ phương tiện giao thông, làm hư hỏng tuyến đường giao thông, gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông,.....

- Mất an toàn lao động có thể xảy ra nếu không tuân thủ các quy định về an toàn lao động theo quy định;

- Hiện tượng sạt lở bờ moong trong quá trình khai thác có thể xảy ra nếu không đảm bảo góc dốc bờ moong khai thác, chiều cao tầng khai thác và không đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ mỏ theo quy định;

- Nước mưa chảy tràn có thể gây sạt lở, sụt lún cuốn trôi bùn đất ra khu vực xung quanh ảnh hưởng đến người dân, gây hư hỏng đường giao thông, …

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Ưu tiên thỏa thuận sử dụng nhà vệ sinh của nhà dân gần dự án, ngoài ra chủ dự án sẽ lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động để thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý, không xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước thải thi công: Hạn chế, tiết kiệm lượng nước trong quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị và trộn bêtông; khai thông các rãnh nước thải để lắng tạm thời, thoát ra môi trường....

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Không để phế thải, cát xây dựng rơi vào rãnh thoát nước gây tắc nghẽn; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông các tuyến mương, rãnh thoát nước mưa.

- Giai đoạn vận hành và cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Ưu tiên thỏa thuận sử dụng nhà vệ sinh của nhà dân gần dự án, ngoài ra chủ dự án sẽ lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động để thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý, không xả thải ra môi trường.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: trong giai đoạn khai thác, xây dựng rãnh thoát nước mưa với tổng chiều dài khoảng 1.000m và 01 hố lắng (thể tích thiết kế là 144m^3) ở phía chân mỏ và thoát nước mưa ra suối cạn phía Nam mỏ, do địa hình cao hơn so với mặt bằng xung quanh nên thoát nước nhanh không đọng lại trong moong khai thác và nước trong hố lắng tự thấm khô sau khi kết thúc mưa; trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường tạo rãnh thoát nước mưa tự nhiên.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành và cải tạo phục hồi môi trường như:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển phải tuân theo quy định của pháp luật về kiểm soát giới hạn phát thải cho phép đối với khí thải.

- Xe vận chuyển phải được phủ bạt kín lên thùng xe nhằm hạn chế bụi đất rơi vãi trên đường vận chuyển; phải tuân thủ chở đúng khối lượng, tốc độ, tải trọng của xe trong quá trình vận chuyển theo quy định.

- Thường xuyên tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển gần khu dân cư vào những ngày thời tiết nắng nóng tần suất tối thiểu 02 - 03 lần/ngày; thu gom chất thải rơi vãi, tưới nước và vệ sinh đường nếu để xảy ra tình trạng rơi vãi bùn đất trên đường vận chuyển. Vệ sinh các phương tiện ra, vào khu vực Dự án, hạn chế tối đa tình trạng bùn đất bám dính vào bánh xe, gây rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án khi thời tiết có mưa, gió…

- Lắp đặt các biển báo giới hạn tốc độ và biển báo tuyến đường vận chuyển vào khu vực mỏ đất để chính quyền, người dân biết phòng tránh.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân làm việc tại khu vực khai thác mỏ để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi và khí thải tới sức khỏe.

- Thường xuyên phối hợp với địa phương duy tu, sửa chữa tuyến đường để vận chuyển (nếu hư hỏng) để người dân đi lại được thuận lợi.

- Công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải: Không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại và chứa trong thùng đựng rác; chất thải rắn tái chế bán cho đơn vị thu mua phế liệu; chất thải thực phẩm ủ phân bón; chất thải còn lại được hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn thông thường: Đối với chất thải phát sinh từ phát dọn thực bì được thu gom và cho người dân tận thu, phần cành nhánh nhỏ và lá được thu gom chôn lấp cùng đất tầng phủ để trồng cây; Đối với chất thải rắn xây dựng được thu gom, phân loại để bán phế liệu hoặc tái sử dụng; đối với chất thải từ hoạt động tháo dỡ nhà nghỉ, nhà bảo vệ, hệ thống giám sát,…. được thu gom tái sử dụng, phần còn lại sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Biện pháp quản lý chất thải nguy hại: Được thu gom và lưu chứa tại thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành và cải tạo phục hồi môi trường như:

- Chỉ sử dụng các loại phương tiện thi công đạt kiểm định về an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, hạn chế vận chuyển, lưu thông trong khu vực có dân cư vào các giờ cao điểm. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, quy định về tốc độ di chuyển trong khu vực dân cư đông đúc.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị để đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Phổ biến và thực hiện nghiêm túc các quy định về nội quy an toàn lao động cho công nhân hoạt động khai thác biết, thực hiện.

- Cắm biển báo nguy hiểm tại những vị trí cần thiết để người và thiết bị ra vào công trường được an toàn. Phân công, tổ chức điều khiển phương tiện giao thông tại Dự án, lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu những khu vực nhạy cảm, khu vực giao nhau nhằm đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động tại công trường. Các phương tiện di chuyển sẽ chấp hành đúng những quy định của cơ quan quản lý địa phương.

- Bố trí hộp y tế dự phòng (thuốc cấp cứu, cứu thương) cho các công nhân lao động tại công trường trong trường hợp khẩn cấp.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

b. Phòng ngừa sự cố sạt lở, sụt lún:

Để phòng ngừa sự cố sạt lở, sụt lún gây ảnh hưởng khu vực xung quanh, Chủ đầu tư thực hiện các phương án sau:

- Đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước tại các khu vực khai thác tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng cục bộ;

- Nếu có xảy ra sự cố sạt lở, sụt lún, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức tiến hành san gạt, nạo vét, khai thông đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;

- Trong quá trình khai thác phải thực hiện đúng theo quy trình, trình tự thiết kế, khai thác đã được cơ quan chức năng phê duyệt, đảm bảo chất lượng;

- Tăng cường ổn định vỉa khai thác theo quy định;

- Theo dõi để kịp thời xử lý nếu xảy ra sạt lở, phối hợp cùng với địa phương để khắc phục sự cố (nếu xảy ra).

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Đối với khu bãi thải tạm chứa đất tầng phủ (nằm trong diện tích dự án với diện tích 5.000m^2), nằm ở phía Nam khu mỏ: khi đổ đất đến đâu san gạt, lu lèn ổn định bề mặt tới đó; hàng năm tiến hành kiểm tra, duy tu, gia cố để ngăn chặn sạt lở, nhất là mùa mưa lũ.

- Tháo dỡ, di dời các hạng mục công trình, thiết bị, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; san gạt, tu sửa tuyến đường đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển; tiến hành trồng cây và hoàn thành các thủ tục đóng cửa mỏ, bàn giao lại cho địa phương để tiếp tục quản lý và sử dụng.

5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

5.1. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường:

- Khu vực khai thác: San gạt đáy moong khai thác với tổng diện tích 24.950m^2, khối lượng cần san gạt khoảng 17.464 m^3; Gia cố, cải tạo sườn tầng với diện tích 15.350 m^2, khối lượng khoảng 7.675 m^3.

- Các hạng mục công trình tạm: Tháo dỡ nhà bảo vệ, nhà nghỉ; tháo dỡ hệ thống giám sát; san lấp rãnh thoát nước mưa, hố lắng nước mưa; Đào, bốc xúc, san gạt tuyến đường công vụ và các hạng mục khác có liên quan.

- Lắp đặt biển báo nguy hiểm, an toàn giao thông: 03 biển báo;

- Trồng cây xanh khu vực đáy moong với diện tích 24.950m^2; trồng dặm và chăm sóc cây.

- Đo vẽ bản đồ và hoàn tất thủ tục đóng cửa mỏ, bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định.

5.2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: 1.202.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm lẻ hai triệu đồng)*.

- Số lần ký quỹ: 3 lần.

+ Lần đầu (lần 01), số tiền ký quỹ: 300.500.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm triệu, năm trăm nghìn đồng)*.

+ Số tiền ký quỹ các năm còn lại: 450.750.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*.

+ Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá, Chủ dự án phải tính thêm yếu tố trượt giá cho các lần ký quỹ theo đúng quy định.

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ; việc ký quỹ các năm còn lại (lần thứ 2 trở đi) phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và môi trường Đắk Lắk.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án đầu tư

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện Chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

6.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải.

- Thông số giám sát: thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

6.2. Giai đoạn vận hành

a. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.

- Thông số giám sát: thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý.

b. Giám sát khác (trượt lở moong, sạt lở đất, cháy rừng)

- Tần suất giám sát: thường xuyên

- Vị trí giám sát: các điểm có nguy cơ cao

- Nội dung giám sát: kiểm tra khu vực khai thác đảm bảo mức độ an toàn theo thiết kế, không để xảy ra tình trạng sạt lở đất ra môi trường,…

6.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- *Giám sát sự phát triển và chăm sóc cây:* giám sát việc trồng và chăm sóc cây xanh theo phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định liên quan. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- *Giám sát trượt lở moong, sạt lở đất:* Thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác, đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế khai thác được duyệt. Trong mùa mưa, thường xuyên kiểm tra việc thoát nước mưa, tránh hiện tượng

ngập úng, tạo dòng chảy lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân. Tần suất giám sát: thường xuyên.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

7.1. Dự án chỉ được phép triển khai các nội dung, hạng mục công trình sau khi hoàn tất các thủ tục đất đai, môi trường, khoáng sản và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Thực hiện đúng, đầy đủ theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

7.2. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác khai thác, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng cơ bản và khai thác mỏ; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành đến an toàn trong khai thác mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

7.4. Kiểm soát chặt chẽ độ sâu, cao trình khai thác; thường xuyên theo dõi giám sát xói lở khu vực khai thác và khu vực lân cận nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những vấn đề phát sinh tại dự án theo quy định.

7.5. Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và các loại khí thải, bụi đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

7.6. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong quá trình khai thác đất; tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các khu vực khai trường.

7.7. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và sinh hoạt có phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

7.8. Thường xuyên theo dõi, giám sát các khu vực khai trường mỏ, thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công trình để kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo đảm không để xảy ra ô nhiễm môi trường, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố, phải dừng ngay các hoạt động khai thác và khẩn trương xử lý, khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

7.9. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo an toàn trong lao động và môi trường trong khu vực khai thác, các tuyến đường vận tải trong mỏ và ngoài mỏ nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường trong suốt quá trình hoạt động của mỏ và sau khi đóng cửa mỏ; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có rủi ro cao khác nhất là trước, trong và sau khi kết thúc khai thác.

7.10. Lập và thực hiện kế hoạch, bổ sung phương án cụ thể, chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, bão lũ, sự cố môi trường hàng năm *(trượt lở, sụt lún, sạt lở khu vực khai thác, đường vận chuyển)* nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

7.11. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức khai thác mỏ đất theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong sản xuất; lập và thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường đối với các hoạt động vận tải, thoát nước mỏ trong quá trình khai thác và phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

7.12. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, dự phòng khắc phục sự cố môi trường *(nếu có xảy ra)* như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, giao thông, phòng chống lụt bão, rủi ro, sự cố; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

7.13. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung đã được phê duyệt.

7.14. Tháo dỡ các công trình tạm, vận chuyển các thiết bị máy móc ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường theo quy định, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

7.15. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

7.16. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường./.